

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2026/DS-PT

Ngày: 16 - 3 -2026

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Lê Phương

Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Trọng Kha là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Lai – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 515/2025/TLPT-DS ngày 04 tháng 12 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – L bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2026/QĐ-PT ngày 02 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1988

Địa chỉ: Khu phố X, phường B, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T: Ông Nguyễn Quốc T1, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn P, xã H, tỉnh L (Văn bản ủy quyền ngày 30/12/2024).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thiên D, sinh năm 1980

Địa chỉ: Khu phố X1, phường B, tỉnh L.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Linh Đ, sinh năm 1985

Địa chỉ: Khu phố X1, phường B, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Linh Đ: Ông Nguyễn Thiên D, sinh năm 1980; Địa chỉ: Khu phố X1, phường B, tỉnh L (Văn bản ủy quyền ngày 26/02/2025).

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

Tại phiên tòa, có mặt ông Nguyễn Quốc T1 và ông Nguyễn Thiên D; vắng mặt những người tham gia tố tụng còn lại.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm thì nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/6/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Quốc T1 trình bày: Ngày 20/02/2023, ông Nguyễn Văn T có cho ông Nguyễn Thiên D vay 100.000.000 đồng tiền mặt, lãi suất thỏa thuận, thời hạn trả ngày 30/12/2023. Việc cho vay tiền không có làm hợp đồng, chỉ thỏa thuận miệng. Khi đến hạn trả tiền, ông T đòi nhiều lần nhưng ông D không trả. Vì vậy, ông Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thiên D trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền gốc 100.000.000 đồng và lãi trong hạn 12%/năm tính từ ngày 30/12/2023 đến ngày 30/12/2024 là 12.000.000 đồng; Tổng cộng: 112.000.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Thiên D trình bày: Ngày 01/01/2023 đến ngày 03/4/2023 ông có vay của ông Nguyễn Văn T số tiền 335.000.000 đồng tiền mặt, lãi suất hàng tháng 6% đến 8%, không thỏa thuận thời hạn trả; hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không làm giấy tờ. Đến ngày 08/5/2024, ông đã trả cho ông Nguyễn Văn T tổng cộng 454.400.000 đồng, trong đó 235.000.000 đồng nợ gốc và 219.400.000 đồng tiền lãi. Nay ông đồng ý trả cho ông T 112.000.000 đồng và yêu cầu tính lại lãi suất $20\%/năm \times 335.000.000 \text{ đồng} \times 16 \text{ tháng}$ 07 ngày (từ ngày 01/01/2023 đến ngày 08/5/2024) = 90.636.000 đồng. Do đó, ông đã trả lãi cho ông T còn dư là 128.764.000 đồng nên ông có đơn phản tố yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T trả lại cho ông 128.764.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Linh Đ và người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Thiên D trình bày: Bà Nguyễn Thị Linh Đ là vợ của ông Nguyễn Thiên D, bà Nguyễn Thị Linh Đ đồng ý như phần trình bày của ông Nguyễn Thiên D, bà không bổ sung gì, đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T trả cho vợ chồng ông bà tiền lãi trả dư là 123.751.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – L đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 và Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 30 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, buộc vợ chồng ông Nguyễn Thiên D và bà Nguyễn Thị Linh Đ phải trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 112.000.000 đồng bao gồm: Tiền gốc 100.000.000 đồng và lãi 12.000.000 đồng.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện phản tố của ông Nguyễn Thiên D,

buộc ông Nguyễn Văn T phải trả cho ông Nguyễn Thiên D và bà Nguyễn Thị Linh Đ số tiền 128.764.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/7/2025, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, không đồng ý trả cho bị đơn 128.764.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T giữ nguyên kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, sửa Bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn. Vì việc chuyển khoản tiền giữa các bên không thể hiện khoản nào trả gốc, khoản nào trả lãi. Ngoài ra, nguyên đơn có cung cấp chứng cứ thể hiện nguyên đơn cũng đã chuyển khoản cho bị đơn các khoản tiền để chứng minh giữa hai bên có giao dịch khác có liên quan.

- Bị đơn ông Nguyễn Thiên D đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

1. Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

2. Về nội D: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Tuyên xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – L; Về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Linh Đ, nhưng có mặt ông Nguyễn Quốc T1 và ông Nguyễn Thiên D là người đại diện theo ủy quyền, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với ông T và bà Đ theo ý kiến đề nghị của những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa và của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội D, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Quốc T1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T xác nhận ông T có cho bị đơn ông Nguyễn Thiên D vay 400.000.000 đồng, đã trả 300.000.000 đồng, hiện còn nợ 100.000.000 đồng. Bị đơn ông Nguyễn Thiên D chỉ thừa nhận từ ngày 01/01/2023 đến ngày 03/4/2023, ông D vay của ông T nhiều lần tổng cộng là 335.000.000 đồng, tính đến ngày 08/5/2024 đã trả tổng cộng là 454.400.000 đồng

(gồm 235.000.000 đồng tiền nợ gốc và 219.400.000 đồng tiền lãi), hiện còn nợ lại tiền gốc là 100.000.000 đồng.

[2.2] Hai bên đều thống nhất thừa nhận việc cho vay tiền không lập giấy tờ gì, chỉ thỏa thuận bằng lời nói với nhau. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn ông Nguyễn Thiên D vay của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T 335.000.000 đồng, hiện còn nợ lại 100.000.000 đồng theo lời khai thừa nhận của ông D là có căn cứ.

[2.3] Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn T về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thiên D trả 100.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 30/12/2023 đến ngày 30/12/2024, với mức lãi suất 12%/năm, T tiền là 12.000.000 đồng; ông D đồng ý theo yêu cầu của ông T, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bên không có kháng cáo đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chỉ có nguyên đơn ông T kháng cáo không đồng ý tính lại lãi suất theo yêu cầu phản tố của bị đơn.

[2.4] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T; Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.4.1] Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ phía bị đơn cung cấp thể hiện từ ngày 01/02/2023 đến 08/5/2024, ông Nguyễn Thiên D đã chuyển khoản cho ông Nguyễn Văn T tổng cộng 454.400.000 đồng. Đối với số tiền này, phía nguyên đơn thừa nhận có nhận, nhưng cho rằng đây là giao dịch khác, lúc thì khai đây là tiền mua bán bò, lúc lại khai trong tổng số tiền đã nhận có một phần tiền lãi, phần còn lại là tiền đi chơi, ăn uống giữa hai bên. Tuy nhiên, phía nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh khoản tiền nguyên đơn đã nhận của bị đơn tổng cộng 454.400.000 đồng là khoản tiền gì.

[2.4.2] Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định theo lời khai của bị đơn, cụ thể trong tổng số tiền 454.400.000 đồng bị đơn chuyển khoản cho nguyên đơn, trong đó bị đơn trả 235.000.000 đồng tiền nợ gốc và 219.400.000 đồng tiền lãi là hoàn toàn có căn cứ.

[2.4.3] Đối với đơn phản tố của bị đơn về việc yêu cầu tính lại lãi suất do đã trả vượt quá quy định của pháp luật, cụ thể: Lãi suất bị đơn phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật là $20\%/năm \times 335.000.000 \text{ đồng} \times 16 \text{ tháng}$ 07 ngày (từ ngày 01/01/2023 đến ngày 08/5/2024) = 90.636.000 đồng, bị đơn đã trả 219.400.000 đồng tiền lãi cho ông T, nên buộc ông T phải trả lại khoản tiền ông đã trả vượt là 128.764.000 đồng; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.4.3.1] Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015:

“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có

liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”.

[2.4.3.2] Nguyên đơn khai nhận hai bên cho vay có thỏa thuận lãi suất theo quy định, còn bị đơn khai nhận hai bên thỏa thuận lãi suất khi thì 6%/tháng, khi thì 8%/tháng. Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự trích dẫn trên thì trường hợp này lãi suất được xác định là 10%/năm của khoản tiền vay, nhưng bị đơn chấp nhận trả 20%/năm của khoản tiền vay và chấp nhận tính lãi từ ngày 01/01/2023 đến ngày 08/5/2024 trên tổng số tiền vay 335.000.000 đồng là có lợi cho nguyên đơn, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Do đó, kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T là không có cơ sở để chấp nhận, như quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên người kháng cáo ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – L không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – L đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Thiên D.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự; Điều 27, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện phản tố của bị đơn ông Nguyễn Thiên D, buộc nguyên đơn ông Nguyễn Văn T phải trả lại cho ông Nguyễn Thiên D và bà Nguyễn Thị Linh Đ khoản tiền lãi đã trả vượt quá quy định của pháp luật là 128.764.000 đồng (*Một trăm hai mươi tám triệu, bảy trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

2.1. Buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu 6.438.000 đồng (*Sáu triệu, bốn trăm ba mươi tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 2.800.000 (*Hai triệu, tám trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0014128 ngày 10/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H; Ông Nguyễn Văn T còn phải nộp 3.638.000 đồng (*Ba triệu, sáu trăm ba mươi tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001747 ngày 04/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh L; ông Nguyễn Văn T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – L không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (16/3/2026).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh L;
- TAND khu vực 12 – L;
- VKSND khu vực 12 – L;
- Phòng THADS khu vực 12 – L;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, Tổ HCTP, TDS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thái

T viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thủy Tiên Nguyễn Lê Phương

Nguyễn Hồng Thái

